

Số: 67 /2024/QĐ-UBND

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 9 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Giao thông vận tải Thành phố Hồ Chí Minh.

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 24/2014/NĐ-CP ngày 04 tháng 4 năm 2014 của Chính phủ quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

Căn cứ Nghị định số 107/2020/NĐ-CP ngày 14 tháng 9 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 24/2014/NĐ-CP ngày 04 tháng 4 năm 2014 của Chính phủ quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn cấp tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

Căn cứ Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật; Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Nghị quyết số 98/2023/QH15 ngày 24 tháng 6 năm 2023 của Quốc hội về thí điểm một số cơ chế, chính sách đặc biệt thu hút đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Nghị định số 84/2024/NĐ-CP ngày 10 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ về thí điểm phân cấp quản lý nhà nước một số lĩnh vực cho chính quyền Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Thông tư số 15/2021/TT-BGTVT ngày 30 tháng 7 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan chuyên môn về giao thông vận tải thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và Ủy ban nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Giao thông vận tải tại Tờ trình số 8001/TTr-SGTVT-TCCB ngày 21 tháng 6 năm 2024 và Công văn số 11615/SGTVT-TCCB ngày 30 tháng 8 năm 2024; Giám đốc Sở Nội vụ tại Tờ trình số 7092/TTr-SNV ngày 16 tháng 9 năm 2024; ý kiến thẩm định của Sở Tư pháp tại Báo cáo số 1624/BC-STP-KTrVB ngày 12 tháng 4 năm 2023 và Báo cáo số 6188/BC-STP-KTrVB ngày 03 tháng 11 năm 2023; ý kiến thống nhất của Thành viên Ủy ban nhân dân Thành phố.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành văn bản

Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Giao thông vận tải Thành phố Hồ Chí Minh.

Điều 2. Hiệu lực thi hành.

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 10 tháng 10 năm 2024 và thay thế Quyết định số 70/2010/QĐ-UBND ngày 17 tháng 9 năm 2010 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Sở Giao thông vận tải Thành phố Hồ Chí Minh.

Điều 3. Tổ chức thực hiện.

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố, Giám đốc Sở Nội vụ, Giám đốc Sở Giao thông vận tải và Thủ trưởng các sở, ngành thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố Thủ Đức, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các quận, huyện và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận :

- Như Điều 3;
- Bộ Giao thông vận tải;
- Bộ Xây dựng;
- Bộ Nội vụ;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL - Bộ Tư pháp;
- Vụ Pháp chế - Bộ Nội vụ;
- Thường trực Thành ủy;
- Thường trực HĐND Thành phố;
- TTUB: CT, các PCT;
- Ủy ban MTTQVN Thành phố và các Đoàn thể Thành phố;
- Văn phòng Thành ủy và các Ban của Thành ủy;
- Các Ban của HĐND Thành phố;
- Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND TP;
- Sở Nội vụ, Sở Tư pháp;
- Sở Giao thông vận tải;
- VPUB: PCVP;
- Phòng NCTH;
- Trung tâm Công báo Thành phố;
- Lưu: VT, (VX/Đn).

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH



Phan Văn Mãi

QUY ĐỊNH

Chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Giao thông vận tải Thành phố Hồ Chí Minh

(Kèm theo Quyết định số 67/2024/QĐ-UBND ngày 25 tháng 9 năm 2024
của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh)

Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Vị trí và chức năng

1. Sở Giao thông vận tải Thành phố Hồ Chí Minh (sau đây gọi là Sở Giao thông vận tải) là cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân Thành phố, thực hiện chức năng tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân Thành phố quản lý nhà nước về các lĩnh vực: đường bộ (bao gồm cả đường bộ trong đô thị), đường thủy nội địa, đường sắt đô thị; vận tải; an toàn giao thông; quản lý, khai thác, duy tu, bảo trì kết cấu hạ tầng giao thông, gồm: cầu đường bộ, cầu vượt, hè phố, đường phố, dải phân cách, hệ thống biển báo hiệu đường bộ, đèn tín hiệu điều khiển giao thông, hầm dành cho người đi bộ, hầm cơ giới đường bộ, cầu dành cho người đi bộ, bến xe, bãi đỗ xe trên địa bàn.

2. Sở Giao thông vận tải có tư cách pháp nhân, có con dấu và tài khoản riêng; chịu sự chỉ đạo, quản lý về tổ chức, biên chế và công tác của Ủy ban nhân dân Thành phố; đồng thời chịu sự chỉ đạo, hướng dẫn, thanh tra, kiểm tra về chuyên môn, nghiệp vụ của Bộ Giao thông vận tải.

Điều 2. Trụ sở làm việc

Trụ sở làm việc đặt tại: số 63 đường Lý Tự Trọng, phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

Tên tiếng Anh là DEPARTMENT OF TRANSPORT (viết tắt là DOT).

Website: <https://sgtvt.hochiminhcity.gov.vn/>

Điện thoại số: (028) 38.290.451; Email: sgtvt@tphcm.gov.vn

Chương II NHIỆM VỤ VÀ QUYỀN HẠN

Điều 3. Nhiệm vụ và quyền hạn

1. Trình Ủy ban nhân dân Thành phố

a) Dự thảo quyết định, quy định, quy hoạch, kế hoạch 05 năm, hằng năm, chương trình, dự án, đề án về giao thông vận tải và các văn bản khác theo phân công của Ủy ban nhân dân Thành phố; biện pháp tổ chức thực hiện các nhiệm vụ về giao thông vận tải trên địa bàn Thành phố trong phạm vi quản lý của Sở Giao thông vận tải;

b) Dự thảo quyết định việc phân cấp, ủy quyền nhiệm vụ quản lý nhà nước về giao thông vận tải cho Sở Giao thông vận tải, Ủy ban nhân dân các quận, huyện và thành phố Thủ Đức;

c) Dự thảo quyết định quy định cụ thể chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Giao thông vận tải; dự thảo quyết định quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của chi cục thuộc Sở Giao thông vận tải (nếu có);

d) Dự thảo quyết định thành lập, tổ chức lại, giải thể các tổ chức hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Sở Giao thông vận tải;

đ) Quyết định các dự án đầu tư về giao thông vận tải thuộc thẩm quyền quyết định của Ủy ban nhân dân Thành phố.

2. Trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố

a) Dự thảo các văn bản về giao thông vận tải thuộc thẩm quyền ban hành của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố theo phân công;

b) Dự thảo quyết định quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức của đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Sở Giao thông vận tải và đơn vị sự nghiệp công lập thuộc chi cục và tương đương thuộc Sở Giao thông vận tải (nếu có);

c) Quyết định xếp hạng các đơn vị sự nghiệp, dịch vụ công lập do Sở Giao thông vận tải quản lý theo quy định của pháp luật và hướng dẫn của Bộ Giao thông vận tải và Bộ Nội vụ;

d) Quyết định các dự án đầu tư (nguồn vốn ngân sách, theo Luật Đầu tư công) về giao thông vận tải thuộc thẩm quyền quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố.

3. Tổ chức thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật, quy hoạch, kế hoạch, chương trình, đề án, dự án, tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật và các văn bản khác trong lĩnh vực giao thông vận tải được cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành hoặc phê duyệt; thông tin, tuyên truyền, phổ biến, giáo dục, theo dõi thi hành pháp luật về các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý nhà nước được giao.

4. Về kết cấu hạ tầng giao thông

a) Tổ chức thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan quản lý nhà nước về chuyên ngành, quyết định đầu tư, chủ đầu tư đối với các dự án đầu tư xây dựng công trình giao thông, kết cấu hạ tầng giao thông (đường bộ, bao gồm cả đường bộ trong đô thị; đường thủy nội địa; đường sắt đô thị) hoặc được phân cấp, ủy quyền theo quy định của pháp luật;

b) Tổ chức quản lý, bảo trì bảo đảm tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật mạng lưới công trình giao thông đường bộ, đường sắt đô thị, đường thủy nội địa địa phương, đường thủy nội địa quốc gia được phân cấp, ủy quyền theo quy định của pháp luật;

c) Thực hiện các hoạt động bảo đảm an toàn và duy trì tuổi thọ của công trình giao thông, tổ chức phòng ngừa, ngăn chặn, xử lý hành vi xâm phạm kết cấu hạ tầng giao thông trên địa bàn theo quy định của pháp luật;

d) Tổ chức thực hiện vớt rác, lục bình, vật nổi và nạo vét bãi cạn, thanh thải chướng ngại vật, khơi thông dòng chảy trên các tuyến sông, kênh, rạch có chức năng giao thông thủy được giao quản lý;

đ) Trình Ủy ban nhân dân Thành phố quyết định hoặc quyết định theo thẩm quyền công tác quản lý kết cấu hạ tầng giao thông theo quy định của pháp luật;

e) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan tham mưu, giúp Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố quyết định phân loại, điều chỉnh hệ thống đường tỉnh, đường đô thị, các đường khác và công bố tải trọng, khổ giới hạn của cầu, đường bộ thuộc thẩm quyền quản lý theo quy định của pháp luật;

g) Trình Ủy ban nhân dân Thành phố thỏa thuận hoặc thỏa thuận theo thẩm quyền về nội dung liên quan đến đường thủy nội địa đối với công trình không thuộc kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa và các hoạt động trên đường thủy nội địa; cấp phép thi công trên các tuyến đường bộ, đường thủy nội địa đang khai thác do địa phương quản lý hoặc được phân cấp, ủy quyền theo quy định của pháp luật;

h) Tổ chức thực thi các nhiệm vụ, quyền hạn quản lý nhà nước tại bến xe ô tô, bãi đỗ xe, trạm dừng nghỉ trên các tuyến đường bộ; nhà ga đường sắt đô thị; cảng, bến thủy nội địa, khu neo đậu, vùng nước neo đậu trên các tuyến đường thủy nội địa, vùng nước cảng biển thuộc phạm vi quản lý hoặc được phân cấp, ủy quyền theo quy định của pháp luật;

i) Thực hiện nhiệm vụ quản lý công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung nằm trong phạm vi đất dành cho đường bộ.

5. Quản lý công trình ngầm đô thị

Thực hiện quản lý xây dựng ngầm đô thị theo các lĩnh vực thuộc chức năng quản lý nhà nước của Sở Giao thông vận tải theo quy định (công trình đường tàu điện ngầm, nhà ga tàu điện ngầm, hầm đường bộ, hầm cho người đi bộ và các công trình phụ trợ kết nối).

6. Về phương tiện giao thông đường bộ, đường thủy nội địa, phương tiện, thiết bị xếp dỡ, thi công chuyên dùng trong giao thông vận tải (trừ phương tiện phục vụ vào mục đích quốc phòng, an ninh và tàu cá) và trang bị, thiết bị kỹ thuật chuyên ngành giao thông vận tải

a) Tổ chức thực hiện việc đăng ký phương tiện giao thông đường thủy nội địa; đăng ký, cấp biển số cho xe máy chuyên dùng của tổ chức và cá nhân ở địa phương hoặc được phân cấp theo quy định của pháp luật;

b) Tổ chức thực hiện việc kiểm tra an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường đối với phương tiện giao thông đường bộ, đường thủy nội địa ở địa phương hoặc được phân cấp theo quy định của pháp luật;

c) Thẩm định thiết kế kỹ thuật trong sửa chữa, hoán cải phương tiện giao thông, phương tiện, thiết bị xếp dỡ, thi công chuyên dùng trong giao thông vận tải đường bộ, đường thủy nội địa thuộc phạm vi quản lý hoặc được phân cấp theo quy định của pháp luật.

7. Về người điều khiển phương tiện giao thông

a) Tổ chức thực hiện và chịu trách nhiệm về đào tạo, sát hạch, cấp, đổi, thu hồi các loại giấy phép, giấy chứng nhận, chứng chỉ thuộc phạm vi quản lý hoặc được phân cấp, ủy quyền theo quy định của pháp luật;

b) Tổ chức thi, ra quyết định công nhận kết quả thi, cấp, cấp lại, chuyển đổi giấy chứng nhận khả năng chuyên môn thuyền trưởng, máy trưởng thuộc phạm vi quản lý hoặc được phân cấp, ủy quyền theo quy định của pháp luật.

8. Về vận tải

a) Chủ trì hoặc phối hợp với các cơ quan liên quan triển khai thực hiện các chính sách phát triển vận tải hành khách công cộng;

b) Tổ chức thực hiện việc quản lý hoạt động vận tải và dịch vụ hỗ trợ vận tải đường bộ, đường thủy nội địa, đường sắt đô thị trên địa bàn Thành phố theo quy định của pháp luật; cấp phép lưu hành cho phương tiện giao thông cơ giới đường bộ thuộc phạm vi quản lý hoặc được phân cấp theo quy định của pháp luật; cấp giấy phép vận tải thủy qua biên giới cho phương tiện, cấp biển hiệu tàu thủy vận tải khách du lịch theo quy định của pháp luật;

c) Hướng dẫn, kiểm tra xây dựng và công bố bến xe, điểm đỗ, điểm đón, trả khách trên địa bàn theo quy hoạch được phê duyệt.

9. Về an toàn giao thông

a) Chủ trì hoặc phối hợp với các cơ quan liên quan thực hiện công tác ứng phó sự cố, thiên tai và tìm kiếm cứu nạn đường bộ, đường sắt, đường thủy nội địa, hàng hải, hàng không, xử lý tai nạn giao thông xảy ra trên địa bàn theo quy định của pháp luật và phân công của Ủy ban nhân dân Thành phố;

b) Tổ chức thực hiện các biện pháp phòng ngừa nhằm giảm thiểu tai nạn giao thông, ùn tắc giao thông; ngăn chặn và xử lý các hành vi gây mất an toàn giao thông trên địa bàn theo thẩm quyền và quy định của pháp luật;

c) Thẩm định an toàn giao thông thuộc phạm vi quản lý hoặc được phân cấp, ủy quyền theo quy định của pháp luật;

d) Chủ trì hoặc phối hợp trình Ủy ban nhân dân Thành phố việc tổ chức giao thông trên hệ thống đường bộ, đường thủy nội địa thuộc phạm vi quản lý theo quy định của pháp luật;

đ) Chủ trì hoặc phối hợp xử lý đột xuất điểm đen, điểm tiềm ẩn tai nạn giao thông, đảm bảo giao thông trên hệ thống đường bộ, đường thủy nội địa thuộc phạm vi quản lý hoặc được phân cấp, ủy quyền theo quy định của pháp luật;

e) Chủ trì hoặc phối hợp thực hiện kiểm tra tải trọng xe trên hệ thống đường bộ thuộc phạm vi quản lý hoặc được phân cấp, ủy quyền theo quy định của pháp luật.

10. Tổ chức thực hiện các quy định về bảo vệ môi trường trong giao thông vận tải thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Sở Giao thông vận tải theo quy định của pháp luật.

11. Quản lý theo quy định của pháp luật đối với các doanh nghiệp, tổ chức kinh tế tập thể, kinh tế tư nhân, các hội và các tổ chức phi chính phủ thuộc lĩnh vực quản lý của Sở Giao thông vận tải.

12. Hướng dẫn chuyên môn, nghiệp vụ thuộc ngành, lĩnh vực quản lý đối với Phòng Quản lý đô thị hoặc Phòng Giao thông công chính hoặc Phòng Kinh tế và Hạ tầng và chức danh chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn.

13. Hướng dẫn thực hiện cơ chế tự chủ đối với các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc ngành, lĩnh vực quản lý theo quy định của pháp luật; quản lý hoạt động của các đơn vị sự nghiệp trong và ngoài công lập thuộc phạm vi ngành, lĩnh vực.

14. Thực hiện hợp tác quốc tế trong lĩnh vực giao thông vận tải theo quy định của pháp luật và phân công hoặc ủy quyền của Ủy ban nhân dân Thành phố.

15. Tổ chức nghiên cứu, ứng dụng tiên bộ khoa học - kỹ thuật và công nghệ; xây dựng hệ thống thông tin, lưu trữ phục vụ công tác quản lý nhà nước và chuyên môn nghiệp vụ.

16. Kiểm tra, thanh tra theo ngành, lĩnh vực được phân công phụ trách đối với tổ chức, cá nhân trong việc thực hiện các quy định của pháp luật; giải quyết khiếu nại, tố cáo, phòng, chống tham nhũng, lãng phí và xử lý các vi phạm pháp luật thuộc phạm vi quản lý của Sở Giao thông vận tải theo quy định của pháp luật và theo sự phân công hoặc ủy quyền của Ủy ban nhân dân Thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố.

17. Quy định cụ thể chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của các phòng (bao gồm Văn phòng, Thanh tra) thuộc Sở Giao thông vận tải.

18. Quản lý tổ chức bộ máy, vị trí việc làm và biên chế công chức, vị trí việc làm và số lượng người làm việc tại đơn vị sự nghiệp công lập; thực hiện chế độ tiền lương và chính sách, chế độ đãi ngộ, đào tạo, bồi dưỡng, khen thưởng, kỷ luật đối với công chức, viên chức và người lao động thuộc phạm vi quản lý theo quy định của pháp luật và theo sự phân công hoặc ủy quyền của Ủy ban nhân dân Thành phố.

19. Quản lý và chịu trách nhiệm về tài chính, tài sản được giao theo quy định của pháp luật và theo sự phân công, phân cấp hoặc ủy quyền của Ủy ban nhân dân Thành phố.

20. Thực hiện công tác thông tin, báo cáo định kỳ và đột xuất về tình hình thực hiện nhiệm vụ được giao với Ủy ban nhân dân Thành phố và Bộ Giao thông vận tải, Ủy ban An toàn giao thông Quốc gia.

21. Thực hiện các nhiệm vụ khác do Ủy ban nhân dân Thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố giao và theo quy định của pháp luật.

Chương III CƠ CẤU TỔ CHỨC

Điều 4. Giám đốc và Phó Giám đốc Sở Giao thông vận tải

1. Sở Giao thông vận tải có Giám đốc và không quá 04 Phó Giám đốc;
2. Giám đốc Sở là Ủy viên Ủy ban nhân dân Thành phố do Hội đồng nhân dân Thành phố bầu, là người đứng đầu Sở Giao thông vận tải do Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố bổ nhiệm, chịu trách nhiệm trước Ủy ban nhân dân Thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố và trước pháp luật về thực hiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Sở và thực hiện nhiệm vụ của Ủy viên Ủy ban nhân dân Thành phố theo Quy chế làm việc và phân công của Ủy ban nhân dân Thành phố.
3. Phó Giám đốc Sở Giao thông vận tải do Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố bổ nhiệm theo đề nghị của Giám đốc Sở, giúp Giám đốc Sở thực hiện một số nhiệm vụ cụ thể do Giám đốc Sở phân công và chịu trách nhiệm trước Giám đốc Sở và trước pháp luật về thực hiện nhiệm vụ được phân công. Khi Giám đốc Sở vắng mặt, một Phó Giám đốc Sở được Giám đốc Sở ủy nhiệm thay Giám đốc Sở điều hành các hoạt động của Sở Giao thông vận tải. Phó Giám đốc Sở không kiêm nhiệm người đứng đầu các phòng thuộc Sở (bao gồm Văn phòng, Thanh tra Sở) và các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Sở, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.
4. Việc bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, miễn nhiệm, cho từ chức, điều động, luân chuyển, khen thưởng, kỷ luật, nghỉ hưu và thực hiện chế độ, chính sách đối với Giám đốc Sở, Phó Giám đốc Sở do Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố quyết định theo quy định của Đảng và của pháp luật.

Điều 5. Cơ cấu tổ chức của Sở Giao thông vận tải

Sở Giao thông vận tải gồm các phòng thuộc Sở (bao gồm Văn phòng, Thanh tra Sở) và các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Sở như sau:

1. Các đơn vị, cơ quan thuộc Sở Giao thông vận tải:
 - a) Văn phòng Sở;
 - b) Thanh tra Sở;
 - c) Phòng Tổ chức - Cán bộ;
 - d) Phòng Tài chính;

- đ) Phòng Kế hoạch và Đầu tư;
 - e) Phòng Quản lý Xây dựng công trình;
 - g) Phòng Quản lý Bảo trì và khai thác công trình;
 - h) Phòng Quản lý Vận tải;
 - i) Phòng Quản lý Đường thủy;
 - k) Phòng Quản lý Kỹ thuật phương tiện giao thông và ứng dụng khoa học công nghệ;
 - l) Phòng Quản lý Sát hạch và cấp Giấy phép lái xe.
2. Các đơn vị trực thuộc Sở Giao thông vận tải:
- a) Trung tâm Quản lý Hạ tầng giao thông đường bộ;
 - b) Trung tâm Quản lý Đường thủy;
 - c) Trung tâm Quản lý điều hành giao thông đô thị;
 - d) Trung tâm Quản lý Giao thông công cộng;
 - đ) Cảng vụ Đường thủy nội địa Thành phố Hồ Chí Minh;
 - e) Trung tâm Đăng kiểm xe cơ giới 50-01S;
 - g) Trung tâm Đăng kiểm xe cơ giới 50-02S;
 - h) Trung tâm Đăng kiểm xe cơ giới 50-03S.

Điều 6. Người đứng đầu, cấp phó của người đứng đầu các cơ quan trực thuộc Sở Giao thông vận tải

1. Người đứng đầu, cấp phó của người đứng đầu các phòng thuộc Sở (bao gồm Văn phòng, Thanh tra Sở) và các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Sở Giao thông vận tải do Giám đốc Sở Giao thông vận tải bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, điều động, luân chuyển, cho từ chức, miễn nhiệm theo quy định của Đảng và của pháp luật.

2. Người đứng đầu các phòng thuộc Sở (bao gồm Văn phòng, Thanh tra Sở) và các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Sở Giao thông vận tải (gọi chung là người đứng đầu) chịu trách nhiệm trước Giám đốc Sở Giao thông vận tải, trước pháp luật về việc thực hiện chức trách, nhiệm vụ, quyền hạn được giao và việc thực hiện chức năng, nhiệm vụ của cơ quan, đơn vị được giao phụ trách.

3. Cấp phó của người đứng đầu các phòng thuộc Sở (bao gồm Văn phòng, Thanh tra Sở) và các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Sở Giao thông vận tải (gọi chung là cấp phó của người đứng đầu) là người giúp người đứng đầu phụ trách, theo dõi, chỉ đạo một số mặt công tác, chịu trách nhiệm trước người đứng đầu và trước pháp luật về nhiệm vụ được phân công. Khi người đứng đầu vắng mặt, người đứng đầu ủy nhiệm cho một cấp phó điều hành các hoạt động của cơ quan, đơn vị.

4. Việc bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, miễn nhiệm, cho từ chức, điều động, luân chuyển, khen thưởng, kỷ luật, nghỉ hưu và thực hiện chế độ, chính sách đối với người đứng đầu, cấp phó của người đứng đầu các phòng thuộc Sở (bao gồm Văn phòng, Thanh tra Sở) và các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Sở Giao thông vận tải do Giám đốc Sở Giao thông vận tải quyết định.

5. Số lượng cấp phó của người đứng đầu các phòng thuộc Sở (bao gồm Văn phòng, Thanh tra Sở) và các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Sở Giao thông vận tải thực hiện theo quy định tại khoản 4 Điều 1 Nghị định số 107/2020/NĐ-CP ngày 14 tháng 9 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 24/2014/NĐ-CP ngày 04 tháng 4 năm 2014 của Chính phủ quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và khoản 2 Điều 6 Nghị định số 120/2020/NĐ-CP ngày 07 tháng 10 năm 2020 của Chính phủ quy định về thành lập, tổ chức lại, giải thể đơn vị sự nghiệp công lập (trường hợp pháp luật chuyên ngành có quy định khác thì thực hiện quy định của pháp luật chuyên ngành).

Điều 7. Công chức, viên chức, người lao động trong các phòng thuộc Sở (bao gồm Văn phòng, Thanh tra Sở) và các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Sở Giao thông vận tải

1. Công chức, viên chức, người lao động trong các phòng thuộc Sở (bao gồm Văn phòng, Thanh tra Sở) và các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Sở Giao thông vận tải chịu trách nhiệm trước Giám đốc Sở Giao thông vận tải, trước Thủ trưởng cơ quan, đơn vị, trước pháp luật về thực hiện nhiệm vụ được giao.

2. Biên chế công chức, số lượng người làm việc trong các cơ quan, đơn vị thuộc và trực thuộc Sở Giao thông vận tải do Giám đốc Sở Giao thông vận tải quyết định trong tổng biên chế công chức và tổng số lượng người làm việc thuộc Sở Giao thông vận tải đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

3. Việc tuyển dụng, sử dụng, nâng bậc lương, chuyển ngạch, bổ nhiệm ngạch, thay đổi chức danh nghề nghiệp, điều động, khen thưởng, kỷ luật, nghỉ hưu và thực hiện chế độ, chính sách khác đối với công chức, viên chức, người lao động trong các cơ quan, đơn vị thuộc và trực thuộc Sở Giao thông vận tải do Giám đốc Sở Giao thông vận tải quyết định theo phân cấp hoặc trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố xem xét, quyết định theo quy định của pháp luật.

4. Việc bố trí công tác đối với công chức, viên chức của Sở Giao thông vận tải phải căn cứ vào vị trí việc làm, tiêu chuẩn chức danh công chức, viên chức, theo phẩm chất, năng lực, sở trường, đảm bảo đúng các quy định của pháp luật.

Điều 8. Biên chế công chức và số lượng người làm việc

1. Biên chế công chức, người làm việc trong các đơn vị sự nghiệp công lập của Sở Giao thông vận tải được Ủy ban nhân dân Thành phố giao hằng năm trong tổng biên chế hành chính, số lượng người làm việc trong các đơn vị sự nghiệp công lập của Thành phố.

2. Căn cứ chức năng, nhiệm vụ, cơ cấu tổ chức và danh mục vị trí việc làm được phê duyệt; hàng năm, Sở Giao thông vận tải xây dựng kế hoạch biên chế công chức, số lượng người làm việc trình Ủy ban nhân dân Thành phố xem xét, quyết định phân bổ theo quy định của pháp luật.

Chương IV **MỐI QUAN HỆ CÔNG TÁC**

Điều 9. Đối với Bộ Giao thông vận tải

1. Sở Giao thông vận tải chịu sự chỉ đạo và hướng dẫn về chuyên môn, nghiệp vụ của Bộ Giao thông vận tải; chịu trách nhiệm báo cáo kết quả hoạt động và chương trình, kế hoạch công tác, tham dự các cuộc họp do Bộ Giao thông vận tải triệu tập.

2. Khi chỉ đạo và hướng dẫn của Bộ Giao thông vận tải chưa phù hợp với tình hình thực tiễn của Thành phố hoặc chưa thống nhất với chỉ đạo của Ủy ban nhân dân Thành phố, Giám đốc Sở Giao thông vận tải phải kịp thời báo cáo và tham mưu, đề xuất để Ủy ban nhân dân Thành phố kiến nghị với Bộ Giao thông vận tải hoặc trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định.

Điều 10. Đối với Hội đồng nhân dân Thành phố và Ủy ban nhân dân Thành phố

1. Sở Giao thông vận tải chịu sự giám sát, có trách nhiệm báo cáo, cung cấp tài liệu thông tin phục vụ cho hoạt động giám sát của Hội đồng nhân dân Thành phố, trả lời các chất vấn, kiến nghị của đại biểu Hội đồng nhân dân Thành phố về những vấn đề có liên quan.

2. Sở Giao thông vận tải chịu sự chỉ đạo trực tiếp và toàn diện của Ủy ban nhân dân Thành phố; Giám đốc Sở có trách nhiệm báo cáo định kỳ và đột xuất cho Ủy ban nhân dân Thành phố về tình hình thực hiện nhiệm vụ được giao.

3. Đối với những vấn đề có liên quan đến chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Sở mà Sở Giao thông vận tải và các sở, ban, ngành Thành phố, Ủy ban nhân dân các quận, huyện và thành phố Thủ Đức còn có ý kiến khác nhau, Giám đốc Sở Giao thông vận tải chịu trách nhiệm báo cáo và đề xuất Ủy ban nhân dân Thành phố xem xét, quyết định.

Điều 11. Đối với tổ chức Đảng

Sở Giao thông vận tải phối hợp với các Ban của Thành ủy Thành phố, Ủy ban Kiểm tra Thành ủy Thành phố để tiếp nhận những định hướng lãnh đạo, chỉ đạo của Thường trực Thành ủy Thành phố, Ban Thường vụ Thành ủy Thành phố. Tham khảo ý kiến của các Ban của Thành ủy Thành phố, Ủy ban Kiểm tra Thành ủy Thành phố khi thực hiện các nhiệm vụ có liên quan đến chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Sở Giao thông vận tải.

Điều 12. Đối với Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam Thành phố và các tổ chức đoàn thể Thành phố

Sở Giao thông vận tải chủ động tham khảo ý kiến của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam Thành phố và các đoàn thể Thành phố trong việc giải quyết các vấn đề có liên quan đến chức năng, nhiệm vụ của Sở nhằm phối hợp thực hiện những chủ trương, chỉ đạo của Thành ủy Thành phố và Ủy ban nhân dân Thành phố. Tạo điều kiện thuận lợi cho Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội Thành phố tổ chức giám sát, phản biện xã hội đối với các nội dung có liên quan đến chức năng, nhiệm vụ và công tác tham mưu của Sở.

Điều 13. Đối với các sở, ban, ngành Thành phố

1. Sở Giao thông vận tải quan hệ với các sở, ban, ngành Thành phố theo nguyên tắc phối hợp công việc, nhằm hoàn thành nhiệm vụ chung của Thành phố và nhiệm vụ của từng cơ quan; hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện các chủ trương, chính sách, pháp luật liên quan đến lĩnh vực giao thông vận tải theo quy định của pháp luật.

2. Trước khi trình Ủy ban nhân dân Thành phố các vấn đề về chủ trương, chính sách có liên quan đến các sở, ban, ngành Thành phố, Sở Giao thông vận tải phải trao đổi ý kiến với các cơ quan này.

3. Khi cần thiết, được đề nghị sở, ban, ngành, các cơ quan, đơn vị và các doanh nghiệp cung cấp thông tin, tài liệu liên quan đến hoạt động ngành nhằm giúp Sở Giao thông vận tải theo dõi, thực hiện đầy đủ chức năng quản lý nhà nước về lĩnh vực giao thông vận tải theo quy định pháp luật.

Điều 14. Đối với Ủy ban nhân dân các quận, huyện và thành phố Thủ Đức

1. Phối hợp, hướng dẫn, đôn đốc, kiểm tra Ủy ban nhân dân các quận, huyện và thành phố Thủ Đức thực hiện các chủ trương, chính sách pháp luật của nhà nước về lĩnh vực giao thông vận tải, triển khai thực hiện các quyết định, chỉ thị, các văn bản chỉ đạo của Ủy ban nhân dân Thành phố đến Ủy ban nhân dân các quận, huyện và thành phố Thủ Đức. Được quyền yêu cầu Ủy ban nhân dân các quận, huyện và thành phố Thủ Đức thực hiện báo cáo định kỳ, cung cấp thông tin liên quan đến lĩnh vực chuyên môn để Sở thực hiện chức năng quản lý nhà nước theo quy định.

2. Giám đốc Sở Giao thông vận tải trực tiếp làm việc với Chủ tịch Ủy ban nhân dân các quận, huyện và thành phố Thủ Đức hoặc phân công Phó Giám đốc Sở làm việc để giải quyết những kiến nghị có liên quan đến công việc thuộc ngành quản lý; nếu còn có những ý kiến khác nhau hoặc đối với những vấn đề vượt quá thẩm quyền của Sở, Giám đốc Sở báo cáo Ủy ban nhân dân Thành phố xem xét, quyết định.

Chương V

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 15. Trách nhiệm thi hành

1. Giám đốc Sở Giao thông vận tải chịu trách nhiệm triển khai và tổ chức thực hiện Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Giao thông vận tải trên địa bàn Thành phố.

2. Giám đốc Sở Giao thông vận tải có trách nhiệm chủ trì, phối hợp với Sở Nội vụ giúp Ủy ban nhân dân Thành phố hướng dẫn Ủy ban nhân dân các quận, huyện và thành phố Thủ Đức quy định cụ thể chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Phòng Quản lý đô thị hoặc Phòng Giao thông công chính hoặc Phòng Kinh tế và Hạ tầng thuộc Ủy ban nhân dân các quận, huyện và thành phố Thủ Đức theo quy định.

3. Thủ trưởng các sở, ban, ngành Thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các quận, huyện căn cứ chức năng, nhiệm vụ của ngành, địa phương có trách nhiệm phối hợp thực hiện đúng nội dung Quy định này.

4. Trong quá trình thực hiện, nếu xét thấy cần thiết, Giám đốc Sở Giao thông vận tải đề xuất, kiến nghị Ủy ban nhân dân Thành phố xem xét, quyết định việc điều chỉnh, sửa đổi, bổ sung Quy chế này cho phù hợp với nhu cầu thực tiễn và quy định của pháp luật hiện hành./.